

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

Số: 186.../CQN-TK

V/v công bố thông tin báo cáo tài chính
năm 2025 đã được kiểm toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
Mã chứng khoán : CQN
Địa chỉ trụ sở chính : Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 0203 6283288
Website : www.quangninhport.com.vn
Người thực hiện công bố thông tin : Ông Hoàng Trọng Tùng – Tổng giám đốc
Loại công bố thông tin: Định kỳ

1. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (*Báo cáo kèm theo*).

2. Thông tin nói trên được Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh công bố trên website của Công ty: www.quangninhport.com.vn vào ngày 30/03/2026.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin nói trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo./ *huc*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Hoàng Trọng Tùng
Hoàng Trọng Tùng

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

- Mã chứng khoán: CQN

- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại liên hệ: 0203 6283288.

- Email: qnp@quangninhport.com.vn

Website: www.quangninhport.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc):

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2026 tại đường dẫn www.quangninhport.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *huc*

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Trọng Tùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 33
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được chuyển thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 27/10/2021, mã số doanh nghiệp 5700100231.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất là tại: số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Doãn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Trọng Tùng	Tổng Giám đốc	(nghỉ hưu từ ngày 30 tháng 04 năm 2025)
Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Trọng Tùng - Tổng giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Minh Huyền	Thành viên
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh

Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Trọng Tùng

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		459.244.253.577	465.506.706.653
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	47.352.779.426	27.984.990.271
111	1. Tiền		47.352.779.426	27.984.990.271
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	250.000.000.000	185.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000.000	185.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		115.135.637.290	208.858.346.656
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	62.368.345.445	171.232.797.526
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.003.774.826	6.535.816.902
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	47.700.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	10.866.305.257	41.127.775.260
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.802.788.238)	(10.038.043.032)
140	IV. Hàng tồn kho	10	40.645.968.481	40.471.841.294
141	1. Hàng tồn kho		40.645.968.481	40.471.841.294
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.109.868.380	3.191.528.432
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.330.467.352	2.064.377.512
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	3.779.401.028	1.127.150.920
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		743.740.384.181	671.691.016.832
220	I. Tài sản cố định		95.009.452.177	122.968.220.769
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	95.009.452.177	122.948.304.508
222	- Nguyên giá		612.415.749.698	625.663.798.373
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(517.406.297.521)	(502.715.493.865)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	19.916.261
228	- Nguyên giá		4.230.060.000	4.230.060.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.230.060.000)	(4.210.143.739)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	14	36.601.369.901	36.860.189.825
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		36.601.369.901	36.860.189.825
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	592.847.231.078	485.822.687.067
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.207.213.772	2.207.213.772
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		609.991.442.351	506.586.442.351
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19.351.425.045)	(22.970.969.056)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		19.282.331.025	26.039.919.171
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	19.282.331.025	26.039.919.171
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.202.984.637.758	1.137.197.723.485

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		180.773.388.010	158.122.102.610
310	I. Nợ ngắn hạn		180.773.388.010	158.122.102.610
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	25.857.955.350	20.406.538.860
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4.283.197.972	1.553.505.238
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	16.800.181.574	8.381.604.586
314	4. Phải trả người lao động		53.033.057.139	54.206.203.154
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.139.902.771	1.054.854.681
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.046.422.887	1.130.319.758
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	68.667.437.740	65.326.357.698
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.945.232.577	6.062.718.635
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.022.211.249.748	979.075.620.875
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.022.211.249.748	979.075.620.875
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		750.499.360.000	750.499.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		750.499.360.000	750.499.360.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		87.099.700.000	87.099.700.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		184.612.189.748	141.476.560.875
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		52.676.624.875	22.264.657.503
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		131.935.564.873	119.211.903.372
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.202.984.637.758	1.137.197.723.485



Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập biểu



Vũ Mạnh Duy
Kế toán trưởng





Hoàng Trọng Tùng
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	702.167.879.096	662.274.555.759
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		702.167.879.096	662.274.555.759
11	3. Giá vốn hàng bán	24	496.734.852.362	467.313.037.335
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		205.433.026.734	194.961.518.424
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	15.789.850.836	17.787.565.348
22	6. Chi phí tài chính	26	(3.503.946.216)	(2.543.064.272)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	85.297.513.477	86.504.622.218
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		139.429.310.309	128.787.525.826
31	9. Thu nhập khác	28	27.757.553.341	24.454.512.699
32	10. Chi phí khác	29	2.322.660.416	3.494.829.099
40	11. Lợi nhuận khác		25.434.892.925	20.959.683.600
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		164.864.203.234	149.747.209.426
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	32.928.638.361	30.535.306.054
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>131.935.564.873</u>	<u>119.211.903.372</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.758	1.588



Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập biểu



Vũ Mạnh Duy
Kế toán trưởng





Hoàng Trọng Tùng
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

(Theo phương pháp trực tiếp)

3 47.352.7

M.S.D.N: 300100717 - C.T.C.P

CÔNG TY
CƠ PHẦN CẢNG
QUẢNG NINH

TỈNH QUẢNG NINH

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được chuyển thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 27/10/2021, mã số doanh nghiệp 5700100231.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất là tại: số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 750.499.360.000 VND tương đương số lượng cổ phần là 75.049.936 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 612 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 611 người).

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ cảng biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistics (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin trên báo cáo tài chính đã được Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các năm tài chính.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên

được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-27 năm
- Máy móc, thiết bị	05-12 năm
- Phương tiện vận tải	06-20 năm
- Thiết bị văn phòng	03-13 năm
- Phần mềm quản lý	03-08 năm

2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng (riêng sửa chữa bãi chứa hàng được phân bổ 10 năm) và chi phí nạo vét luồng vào cảng được phân bổ 36 tháng.
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian bảo hiểm được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 12 tháng.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê băng tải, chi phí tiền điện... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.17 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 Giá vốn của dịch vụ cung cấp

Giá vốn của dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Thông tin bộ phận

Do toàn bộ hoạt động của Công ty là dịch vụ cảng biển. Đồng thời, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	237.565.477	192.385.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.115.213.949	27.792.604.309
	47.352.779.426	27.984.990.271

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	250.000.000.000	-	185.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	250.000.000.000	-	185.000.000.000	-
	250.000.000.000	-	185.000.000.000	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có tổng giá trị 250.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam với lãi suất từ 5,4%/năm đến 7,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2025			01/01/2025		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết		2.207.213.772		(2.207.213.772)	2.207.213.772		(2.207.213.772)
- Công ty CP Vinalinies Đông Bắc		2.207.213.772		(2.207.213.772)	2.207.213.772		(2.207.213.772)
Đầu tư vào đơn vị khác		609.991.442.351		(17.144.211.273)	506.586.442.351		(20.763.755.284)
- Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP		374.860.713.000		-	374.860.713.000		-
- Quỹ đầu tư tăng trưởng BVIM		100.000.000.000		-	100.000.000.000		(3.077.524.231)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (i)	MSB	1.015.739.351	2.870.798.400	-	1.015.739.351	1.728.953.200	-
- Công ty CP VIMC Logistics (ii)	VLG	1.000.000.000	870.700.000	(129.300.000)	1.000.000.000	982.300.000	(17.700.000)
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân (ii)	CPI	29.709.990.000	12.695.078.727	(17.014.911.273)	29.709.990.000	12.041.458.947	(17.668.531.053)
- Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T (iii)		103.405.000.000		-	-		-
		<u>612.198.656.123</u>		<u>(19.351.425.045)</u>	<u>508.793.656.123</u>		<u>(22.970.969.056)</u>

(i) Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết trên thị trường chứng khoán: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025.

(ii) Giá trị hợp lý của cổ phiếu UpCom ít phát sinh giao dịch trong năm là giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với các khoản đầu tư còn lại: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(iii) Trong 2025, thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2025/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025, số 31/2025/NQ-HĐQT ngày 15/04/2025, số 54/2025/NQ-HĐQT ngày 18/06/2025, Công ty đã góp vốn và nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T. Tổng giá trị đầu tư là 103.405.000.000 VND, số lượng cổ phần nắm giữ là 9.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty này.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên kết				
Công ty CP Vinalines Đông Bắc	Quảng Ninh	25,53%	25,53%	Vận tải (đã ngừng hoạt động)
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tổng Công ty Rau quả, nông sản - CTCP	Hà Nội	12,25%	12,25%	Sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu rau quả, nông sản
Quý Đầu tư tăng trưởng BVIM	Hà Nội	33,33%	33,33%	Quý đầu tư
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Hà Nội	0,01%	0,01%	Ngân hàng
Công ty CP VIMC Logistics	Hà Nội	0,71%	0,71%	Dịch vụ hàng hải
Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	Quảng Ninh	8,14%	8,14%	Dịch vụ cảng biển
Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T	Hà Nội	10,00%	10,00%	Dịch vụ hàng không

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.776.925.578	-	312.416.879	-
Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	1.776.925.578	-	312.416.879	-
Bên khác	60.591.419.867	(8.296.407.018)	170.920.380.647	(9.531.661.812)
Công ty CP Tập đoàn Quang Minh	4.867.032.614	(4.867.032.614)	4.867.032.614	(4.867.032.614)
Chi nhánh Công ty CP đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh	4.261.286.977	-	7.286.572.057	-
Công ty CP Cảng Thái Hưng	7.001.192.302	-	4.567.902.617	-
Công ty TNHH đầu tư tài sản Quang Trung	-	-	117.333.874.400	-
Các khách hàng khác	44.461.907.974	(3.429.374.404)	36.864.998.959	(4.664.629.198)
	62.368.345.445	(8.296.407.018)	171.232.797.526	(9.531.661.812)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Công ty TNHH Tân Quang Minh	620.882.140	-	620.882.140	-
Công ty Luật TNHH Trần Nguyễn	430.000.000	-	430.000.000	-
Công ty TNHH Greifer Mrs	-	-	4.306.091.580	-
Các người bán khác	1.952.892.686	-	1.178.843.182	-
	3.003.774.826	-	6.535.816.902	-

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T	-	-	47.700.000.000	-	47.700.000.000	-
	-	-	47.700.000.000	-	47.700.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

	Hợp đồng cho vay	Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
							VND	VND
Bên liên quan								
Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T	Hợp đồng số 01/2025/CQN-TTAIR	VND	Theo nhu cầu kinh doanh, đầu tư của bên đi vay	4,70%	06 tháng	Tín chấp	47.700.000.000	-
							47.700.000.000	-

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	6.494.004.663	-	3.581.246.573	-
Phải thu về tạm ứng	525.269.311	-	658.428.788	-
Công ty CP Thái Sơn - Long An (*)	-	-	33.867.500.000	-
Công ty CP Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	506.381.220	(506.381.220)
Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam	1.151.502.242	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.189.147.821	-	2.514.218.679	-
	10.866.305.257	(506.381.220)	41.127.775.260	(506.381.220)
Trong đó: Bên liên quan				
Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T	571.223.836	-	-	-
	571.223.836	-	-	-

(*) Khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Thái Sơn - Long An về việc mua 19% tổng vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Gió Phước Hữu - Duyên Hải 1 theo thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng phần vốn góp đã được ký kết và đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua tại nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 đã hết thời hạn đặt cọc. Công ty đã thu hồi khoản tiền này cùng với tiền phí sử dụng vốn phát sinh theo thống nhất của 2 bên.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Công ty CP Công nghiệp Năng Cửu Long	1.185.424.000	-	1.185.424.000	-
Công ty CP Tập đoàn Quang Minh	4.867.032.614	-	4.867.032.614	-
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	-	-	1.235.254.794	-
Cảng Vụ Hàng hải Quảng Ninh	1.079.569.304	-	1.079.569.304	-
Các đối tượng khác	1.164.381.100	-	1.164.381.100	-
b) Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty CP Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	-	506.381.220	-
	8.802.788.238	-	10.038.043.032	-

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.322.194.837	-	38.379.301.111	-
Công cụ, dụng cụ	1.323.773.644	-	2.092.540.183	-
	40.645.968.481	-	40.471.841.294	-

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	541.784.237	950.494.703
Chi phí thuê kho	1.155.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	633.683.115	1.113.882.809
	2.330.467.352	2.064.377.512
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.668.827.486	6.646.118.655
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	13.613.503.539	19.393.800.516
	19.282.331.025	26.039.919.171

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	170.311.758.365	107.547.732.133	347.061.814.765	742.493.110	625.663.798.373
Mua trong năm	-	334.037.038	1.379.629.630	37.000.000	1.750.666.668
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.038.058.886)	(78.957.000)	(9.117.015.886)
Giảm khác	(505.674.996)	-	(5.376.024.461)	-	(5.881.699.457)
Số dư cuối năm	169.806.083.369	107.881.769.171	334.027.361.048	700.536.110	612.415.749.698
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	126.156.809.447	99.671.618.772	276.287.071.744	599.993.902	502.715.493.865
Khấu hao trong năm	4.834.806.948	6.511.590.390	18.269.563.489	68.824.997	29.684.785.824
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.038.058.886)	(74.223.825)	(9.112.282.711)
Giảm khác	(505.674.996)	-	(5.376.024.461)	-	(5.881.699.457)
Số dư cuối năm	130.485.941.399	106.183.209.162	280.142.551.886	594.595.074	517.406.297.521
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	44.154.948.918	7.876.113.361	70.774.743.021	142.499.208	122.948.304.508
Tại ngày cuối năm	39.320.141.970	1.698.560.009	53.884.809.162	105.941.036	95.009.452.177

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 199.401.800.708 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 110.518.396.361 VND).

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.230.060.000	4.230.060.000
Số dư cuối năm	4.230.060.000	4.230.060.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.210.143.739	4.210.143.739
Khấu hao trong năm	19.916.261	19.916.261
Số dư cuối năm	4.230.060.000	4.230.060.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	19.916.261	19.916.261
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.230.060.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 4.050.000.000 VND)

14 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Xây dựng cơ bản	36.524.577.499	36.489.821.105
- Dự án kho bãi hàng hóa đổi thương lưu Bến 1 (*)	32.493.489.224	32.493.489.224
- Dự án kho 4200 m ² đổi trong Bến 1	2.298.399.091	2.298.399.091
- Các dự án khác	1.732.689.184	1.697.932.790
Sửa chữa lớn	76.792.402	370.368.720
	36.601.369.901	36.860.189.825

(*) Tại ngày 31/12/2025, chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí san gạt đồi, chi phí đền bù và một số chi phí tư vấn đầu tư dự án. Thông tin chi tiết về dự án như sau:

Dự án được UBND tỉnh Quảng Ninh chấp thuận quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại văn bản số 2718/QĐ-UBND ngày 14/09/2006 và Quyết định 1669/QĐ-UBND ngày 29/05/2008 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thu hồi đất và giao cho UBND Thành phố Hạ Long để bồi thường, GPMB thực hiện dự án Xây dựng kho bãi hàng hóa tại khu vực Cái Lân.

Theo Quyết định số 01/QLCSHT-MT ngày 03/01/2013 của Tổng Giám đốc Công ty về quyết định đầu tư Dự án kho bãi hàng hóa đổi thương lưu Bến 1 với một số nội dung:

- Diện tích đất: 62.403 m²
- Mục tiêu: Xây dựng kho bãi hàng hóa
- Quy mô:
 - + Xây dựng khu văn phòng dịch vụ với diện tích 1.875 m² (nhà điều hành, nhà bảo vệ, nhà để xe, cây xanh sân vườn)
 - + Khu bến và kho tàng 39.240 m² (Nhà kho có mái, Kho ngoài trời, bến và bãi bốc xếp)
 - + Khu chức năng khác 21.288 m² (đất kỹ thuật, đất cây xanh, đường giao thông nội bộ...)
- Vốn đầu tư: 96.412.166.000 VND (trong đó: vốn chủ đầu tư 20%: 19.282.433.000 VND) còn lại là vốn vay thương mại và vốn huy động hợp pháp khác.
- Thời gian hoạt động: 50 năm
- Tiến độ dự án:
 - + Từ quý 3/2012 đến quý 1/2013 thi công san gạt;
 - + Từ quý 1/2013 đến quý 3/2013 thi công các hạng mục kiến trúc;

+ Kết thúc đầu tư và đưa vào khai thác từ quý 4/2014.

Tuy nhiên, sau khi hoàn thành công việc san gạt đồi thì Công ty chưa thể tiếp tục triển khai dự án cho đến nay chủ yếu do phải chờ quy hoạch Phân khu 5 - thành phố Hạ Long được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015 và các hợp đồng thuê đất gia hạn hàng năm đến ngày 31/12/2021. Từ năm 2022, Công ty chưa được gia hạn hợp đồng thuê đất nhưng vẫn nhận thông báo tiền thuê đất và nộp đầy đủ tiền thuê đất.

Đến ngày 24/09/2024, quy hoạch tỷ lệ 1/2000 Phân khu 5 - thành phố Hạ Long đã được UBND Tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 2705/QĐ-UBND. Ngay sau khi có quyết định phê duyệt quy hoạch phân khu, ngày 28/10/2024 Công ty đã gửi công văn xin gia hạn thời gian thuê đất đối Thượng Lưu - Bến số 1 cảng Quảng Ninh để làm kho bãi hàng hóa. Đến ngày 14/05/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ra quyết định số 1488/QĐ-UBND về việc gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh để làm kho, bãi hàng hóa tạm tại phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, thời gian gia hạn thuê đến 31/12/2026. Công ty đang tiếp tục bám sát các cấp có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục phê duyệt dự án và tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty CP Cảng tổng hợp Cái Lân Quảng Ninh	12.222.615.798	12.222.615.798	4.334.552.170	4.334.552.170
Công ty CP Phát triển Công nghệ Cyberlogistics Việt Nam	2.778.792.949	2.778.792.949	1.605.194.338	1.605.194.338
Công ty TNHH Huy Mạnh	1.371.963.891	1.371.963.891	5.036.522.364	5.036.522.364
Các người bán khác	9.484.582.712	9.484.582.712	9.430.269.988	9.430.269.988
	25.857.955.350	25.857.955.350	20.406.538.860	20.406.538.860

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
Công ty CP Việt Pháp	13.151.246	261.871.651
Công ty TNHH Nam Transport	212.224.946	96.574.619
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận An	416.761.200	-
Công ty CP Nam Việt	421.699.640	-
Các khách hàng khác	3.219.360.940	1.195.058.968
	4.283.197.972	1.553.505.238

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.812.041.714	30.631.883.432	30.905.905.433	-	2.538.019.713
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	203.057.381	203.057.381	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.569.562.872	32.928.638.361	28.470.477.848	-	10.027.723.385
Thuế thu nhập cá nhân	1.127.150.920	-	8.757.904.396	11.410.154.504	3.779.401.028	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	6.111.302.354	1.876.863.878	-	4.234.438.476
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	1.127.150.920	8.381.604.586	78.635.785.924	72.869.459.044	3.779.401.028	16.800.181.574

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phụ cấp ăn ca, độc hại	325.476.600	341.255.500
Chi phí tiền điện	210.724.426	309.647.582
Cước bốc xúc, vận chuyển	1.711.242.455	-
Chi phí giám sát, giám định hàng hóa	1.229.801.079	-
Chi phí phải trả khác	662.658.211	403.951.599
	4.139.902.771	1.054.854.681

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê kho	1.046.422.887	1.130.319.758
	1.046.422.887	1.130.319.758

20 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	76.801.870	77.199.453
Cổ tức lợi nhuận phải trả	31.153.932	72.013.332
Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (*)	66.155.829.237	62.808.297.766
Phải trả khác	2.403.652.701	2.368.847.147
	68.667.437.740	65.326.357.698

(*) Khoản phải trả Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo hợp đồng thuê tài sản số 01/2014/HĐT ngày 30 tháng 07 năm 2004 và các phụ lục kèm theo. Theo hợp đồng này, Công ty thuê kết cấu hạ tầng cầu cảng 5, 6, 7 bến Cảng Cái Lân với thời gian thuê 30 năm từ ngày 13/07/2004. Giá thuê bao gồm 2 phần cụ thể như sau:

- Giá thu cố định theo bảng giá Phụ lục III của hợp đồng;
- Giá thu thay đổi: Giá thu thay đổi cụ thể hàng năm bằng (=) Doanh thu khai thác tài sản cho thuê hàng năm nhân (x) Tỷ lệ (%) để tính giá thu thay đổi hàng năm.

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	750.499.360.000	87.099.700.000	109.814.593.503	947.413.653.503
Lãi trong năm trước	-	-	119.211.903.372	119.211.903.372
Chia cổ tức	-	-	(75.049.936.000)	(75.049.936.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	750.499.360.000	87.099.700.000	141.476.560.875	979.075.620.875
Số dư đầu năm nay	750.499.360.000	87.099.700.000	141.476.560.875	979.075.620.875
Lãi trong năm nay	-	-	131.935.564.873	131.935.564.873
Chia cổ tức	-	-	(75.049.936.000)	(75.049.936.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.750.000.000)	(13.750.000.000)
Số dư cuối năm nay	750.499.360.000	87.099.700.000	184.612.189.748	1.022.211.249.748

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NĐ - ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Tổng lợi nhuận chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2024	141.476.560.875
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	13.750.000.000
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.000 VND)	75.049.936.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	52.676.624.875

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Tập đoàn T&T	583.694.350.000	77,77	583.694.350.000	77,77
Các cổ đông khác	166.805.010.000	22,23	166.805.010.000	22,23
	750.499.360.000	100	750.499.360.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	750.499.360.000	750.499.360.000
- Vốn góp cuối năm	750.499.360.000	750.499.360.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	72.013.332	21.478.332
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	75.049.936.000	75.049.936.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	75.049.936.000	75.049.936.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	75.090.795.400	74.999.401.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	75.090.795.400	74.999.401.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	31.153.932	72.013.332

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.049.936	75.049.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.049.936	75.049.936
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	75.049.936	75.049.936
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.049.936	75.049.936
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	75.049.936	75.049.936
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	13.002.624.000	15.264.384.000
Từ 1 năm đến 5 năm	27.561.600.000	39.330.944.000

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê và khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng 5, 6, 7 thuộc Bến cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ngày 30/07/2014 ký với Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) với hình thức thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	31.774.446.858	30.939.805.719
Từ 1 năm đến 5 năm	127.286.304.457	123.977.020.839
Trên 5 năm	95.473.972.533	124.076.217.535

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại khu vực Cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh gồm:

- Lô đất Bến số 1 với diện tích 65.225,1 m² được sử dụng để khai thác kết cấu hạ tầng Bến số 1, thời hạn thuê 50 năm kể từ năm 2018 và trả tiền thuê đất hàng năm.
- Lô đất thực hiện Dự án kho bãi hàng hóa đổi thương lưu Bến 1 với diện tích đất 62.403m², Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất gia hạn hàng năm đến ngày 31/12/2021. Từ năm 2022, Công ty chưa được gia hạn hợp đồng thuê đất nhưng vẫn nhận thông báo tiền thuê đất và nộp đầy đủ tiền thuê đất. Ngày 14/05/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã có quyết định số 1488/QĐ-UBND về việc gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất cho Công ty để làm kho, bãi hàng hóa tạm tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long (nay là phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh), thời gian gia hạn thuê đến 31/12/2026 (Thuyết minh số 14).

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	320.715,60	414.522,48
EUR	106,77	106,77

23 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ cảng biển	702.167.879.096	662.274.555.759
	702.167.879.096	662.274.555.759
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	6.524.965.140	4.208.169.808

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của dịch vụ cảng biển	496.734.852.362	467.313.037.335
	496.734.852.362	467.313.037.335
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	589.000.000	300.496.714
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)		

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.646.027.438	7.219.886.649
Phí sử dụng vốn	1.236.700.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	10.233.871.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	568.548.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	261.195.674	333.807.499
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	77.379.324	-
	15.789.850.836	17.787.565.348
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan	571.223.836	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)		

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.091.215	52.707.763
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	14.821.021
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(3.506.037.431)	(2.610.593.056)
	(3.503.946.216)	(2.543.064.272)

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.173.071.263	1.351.119.814
Chi phí nhân công	53.750.562.124	60.205.384.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.957.743	535.515.255
Thuế, phí và lệ phí	14.222.113.951	9.436.289.013
Hoàn nhập dự phòng	(1.235.254.794)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.641.964.646	10.492.627.307
Chi phí khác bằng tiền	2.396.098.544	4.483.685.934
	85.297.513.477	86.504.622.218
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	447.332.747	742.267.999
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)		

28 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	552.674.231	278.703.704
Thu nhập thường làm hàng nhanh	20.483.398.546	24.009.281.472
Thu tiền bồi thường	6.701.794.279	128.959.005
Thu nhập khác	19.686.285	37.568.518
	27.757.553.341	24.454.512.699
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	251.418.750	-

29 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thưởng năng suất xếp dỡ tàu	2.094.898.033	1.451.978.593
Các khoản chi phí khác phục hậu quả bão Yagi	-	931.167.000
Các khoản khác	227.762.383	1.111.683.506
	2.322.660.416	3.494.829.099

30 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	164.864.203.234	149.747.209.426
Các khoản điều chỉnh tăng	439.737.316	2.100.604.936
- Chi phí không được trừ	439.737.316	2.085.783.915
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền và các khoản phải thu cuối năm nay	-	14.821.021
Các khoản điều chỉnh giảm	(660.748.745)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(568.548.400)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền và các khoản phải thu cuối năm nay	(77.379.324)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền và các khoản phải thu cuối năm trước	(14.821.021)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	164.643.191.805	151.847.814.362
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	32.928.638.361	30.369.562.872
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	165.743.182
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.569.562.872	4.832.625.492
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(28.470.477.848)	(29.798.368.674)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	10.027.723.385	5.569.562.872

31 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	131.935.564.873	119.211.903.372
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	131.935.564.873	119.211.903.372
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	75.049.936	75.049.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.758	1.588

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.430.249.579	35.336.091.135
Chi phí nhân công	174.988.559.405	188.196.044.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.704.702.085	30.318.931.527
Thuế, phí và lệ phí	14.222.113.951	9.436.289.013
Hoàn nhập dự phòng	(1.235.254.794)	-
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	95.099.522.517	90.230.308.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.814.403.773	115.364.132.047
Chi phí khác bằng tiền	85.008.069.323	84.935.863.469
	582.032.365.839	553.817.659.553

33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

34 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Tập đoàn T&T	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược
Công ty CP Liên hiệp xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội	Công ty do ông Nguyễn Ngọc Nghị (Chủ tịch Hội đồng quản trị) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T	Công ty do ông Phạm Công Đoàn (Thành viên Hội đồng quản trị) làm Chủ tịch hội đồng quản trị
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	6.524.965.140	4.208.169.808
Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	6.524.965.140	4.208.169.808
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.036.332.747	2.226.284.945
Công ty CP Liên hiệp xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội	981.732.747	2.127.015.845
Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	54.600.000	99.269.100
Thu nhập khác	251.418.750	-
Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	251.418.750	-
Doanh thu hoạt động tài chính	571.223.836	-
Công ty CP Vận tải và Thương mại Hàng không T&T	571.223.836	-

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:


	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/04/2024)	883.054.438	163.833.333
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/04/2024)	-	895.842.667
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT	696.589.774	378.172.000
Ông Doãn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 03/10/2024)	264.254.024	29.354.839
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 03/10/2024)	-	627.512.742
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 03/10/2024)	-	398.472.742
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 03/10/2024)	-	378.150.161
Ông Hoàng Trọng Tùng	Tổng giám đốc	2.940.115.786	2.462.185.963
Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.975.753.657	1.556.248.787
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 30/04/2025)	1.015.289.401	1.591.693.819
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng giám đốc	1.919.624.326	1.312.104.319
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban kiểm soát	636.455.852	408.731.000
Bà Phạm Thị Minh Huyền	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 03/10/2024)	184.541.553	26.419.355
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 03/10/2024)	184.541.553	26.419.355
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 03/10/2024)	-	344.085.645
Bà Lương Thị Yến	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 03/10/2024)	-	165.949.645


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASCO kiểm toán


Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập biểu


Vũ Mạnh Duy
Kế toán trưởng


Hoàng Trọng Tùng
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

